

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **373/2025/DS-PT**

Ngày: 25 – 11 – 2025

V/v: Kiện đòi tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Cao Gia và bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Chi – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/2025/TLPT-DS ngày 06/11/2025 về việc “*Kiện đòi tài sản*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2025/DS-ST ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2025/QĐPT-DS ngày 03/11/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 345/2025/QĐ-PT ngày 17/11/2025, giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Bích K, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 156 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Số 156 L, phường B, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Minh H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 57 đường A, thôn 1, xã C, tỉnh Đắk Lắk (nay là Số 57 đường A, phường B, tỉnh Đắk Lắk); có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 75 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Số 75 T, phường B, tỉnh Đắk Lắk); có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Đình S, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 170 S, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Số 170 S, phường B, tỉnh Đắk Lắk) có mặt.

*** Người kháng cáo:** Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông

Phan Minh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Minh H1 trình bày:

Bà Trần Thị Bích K và bà Nguyễn Thị H2 là bạn bè với nhau. Năm 2015, bà H2 biết bà K mới bán nhà có tiền nên đề xuất bà K góp vốn để bà H2 cho vay lấy lãi chia nhau. Vì tin tưởng nên ngày 11/5/2015, bà K nộp vào tài khoản số 101010004.239.021 của bà H2 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C, chi nhánh Đắk Lắk (gọi tắt là V) số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), lãi suất thỏa thuận 2%/ tháng, không xác định thời hạn góp.

Sau khi nhận tiền, bà H2 không chia lãi, không trả vốn góp, nên bà K nhiều lần gặp bà H2 yêu cầu thanh toán nhưng không có kết quả.

Để lấy lại tiền, bà K tìm cách vay lại tiền của bà H2 để cân trừ số tiền đã góp vốn. Cụ thể: Bà K vay bà H2 03 lần. Lần 1: Ngày 01/8/2017 vay 1,3 tỷ đồng; Lần 2: Ngày 08/8/2017 vay 480.000.000 đồng; Lần 3: Ngày 30/8/2018 vay 700.000.000 đồng. Tổng số tiền vay 2.480.000.000 tỷ đồng. Tưởng rằng việc góp vốn sẽ được bà H2 trừ vào số tiền mà bà K đã vay, nên bà K không quan tâm đến khoản nợ này. Tuy nhiên, bà H2 lại khởi kiện và tại Bản án dân sự sơ thẩm số 162 ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đã buộc bà K phải trả cho bà H2 số tiền gốc và lãi 2.590.221.000đ (Hai tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng hai trăm hai mươi một ngàn).

Vì vậy, nay bà K yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị H2 trả lại cho bà số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) và lãi suất từ ngày 11/5/2015 theo quy định của pháp luật.

Đối với Hợp đồng tín dụng số DAL. CN.108.080515 ngày 11/5/2015 ký giữa bà Trần Thị Bích K, ông Nguyễn Xuân V với Ngân hàng TMCP A thể hiện khoản vay mà bà K, ông V vay mục đích để mua nhà, cùng ngày bà K chuyển khoản số tiền 3.000.000.000 đồng để góp vốn với bà H2, là tiền riêng của bà K không liên quan đến số tiền vay Ngân hàng A.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Đình Sinh trình bày:

Bà Nguyễn Thị H2 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích K bởi vì:

Bà K cho rằng số tiền 3.000.000.000 đồng chuyển cho bà H2 là tiền góp vốn nhưng không cung cấp được hợp đồng hay tài liệu, chứng cứ nào thể hiện giữa bà K và bà H2 có thỏa thuận góp vốn, mục đích góp vốn làm việc gì? Kinh doanh cái gì? Lợi nhuận ăn chia hai bên hưởng ra sao? Ngược lại, bà H2 khẳng định số tiền 3.000.000.000 đồng là tiền bà H2 cho bà K vay để đáo hạn ngân hàng; và bà K đã chuyển trả nợ cho bà H2 số tiền này. Đồng thời khi bà K chuyển trả nợ bằng hình thức chuyển khoản thì bà H2 đã đưa tờ giấy gốc mà bà K vay nợ. Chứng cứ để chứng minh cho các lập luận này là các tin nhắn; và các bản sao kê của Ngân hàng mà bà H2 đã cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm vụ án.

Đối với việc nguyên đơn cho rằng Hợp đồng tín dụng DAL. CN.108.080515 ngày 11/5/2015 ký giữa Trần Thị Bích K, ông Nguyễn Xuân V với Ngân hàng TMCP A thể hiện khoản vay mà bà K, ông V vay mục đích để mua nhà, cùng ngày bà K chuyển khoản số tiền 3.000.000.000 đồng để góp vốn với bà H2, là tiền riêng của bà K không liên quan đến số tiền vay Ngân hàng A thì bà H2 không đồng ý.

Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2025/DS-ST ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk) đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 ; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích K về việc buộc bà Nguyễn Thị H2 trả lại cho bà Trần Thị Bích K số tiền góp vốn là 3.000.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất kể từ ngày 11/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 03/6/2025 là 10 năm 22 ngày x 10%/năm thành tiền 3.018.082.000 đồng tiền lãi suất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/6/2025, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Phan Minh H1 có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đơn kháng cáo và có ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày như ở cấp sơ thẩm và bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Phan Minh H1 đã nộp trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Minh H1 và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2025/DS-ST ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Phan Minh H1 đã được nộp trong thời hạn luật định và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Trần Thị Bích K cung cấp 01 giấy chuyển tiền có nội dung “TRAN THI BICH KHUE CT”; và cho rằng đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của bị đơn bà Nguyễn Thị H2 số tiền 3.000.000.000 đồng với mục đích góp vốn làm ăn. Thế nhưng, giấy chuyển tiền này lại không thể hiện nội dung, mục đích chuyển tiền, thời hạn góp vốn, lãi suất tức là chưa đủ điều kiện để xác lập Hợp đồng hợp tác theo Điều 504; Điều 505 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thừa nhận giữa hai bên có thoả thuận góp vốn làm ăn với số tiền trên; đồng thời, nguyên đơn cho rằng do tin tưởng nên khi góp vốn hai bên chỉ thoả thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản, không có người thứ ba chứng kiến; và không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ.

Ngoài ra, nguyên đơn kháng định, khoản tiền 3.000.000.000 đồng mà nguyên đơn chuyển cho bị đơn vào năm 2015, trong khi nguyên đơn đã đòi nhiều lần và bị đơn không trả cho nguyên đơn được một khoản tiền nào; nhưng trong các năm 2017 – 2018 nguyên đơn lại 03 lần vay của bị đơn tổng số tiền 2.480.000.000 đồng, nhưng lại không khấu trừ đi khoản tiền đã góp vốn trước đó là không thuyết phục.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Phan Minh H1 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Trần Thị Bích K phải chịu 114.018.082 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – ông Phan Minh H1;
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2025/DS-ST ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk).

Tuyên xử:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích K về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H2 trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị Bích K số tiền góp vốn là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) tiền gốc và lãi suất kể từ ngày 11/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 03/6/2025 là 10 năm 22 ngày x 10%/năm thành tiền 3.018.082.000 đồng (ba tỷ không trăm mười tám triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền lãi.

[2] Về án phí:

Nguyên đơn bà Trần Thị Bích K phải chịu 114.018.082 đồng (một trăm mười bốn triệu không trăm mười tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 46.300.000 đồng (bốn mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo các Biên lai thu số 0021633 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đắk Lắk) và số 0000193 ngày 01/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk). Như vậy, bà K còn phải nộp 68.018.082 đồng (sáu mươi tám triệu không trăm mười tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSNDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Nguyên Tùng